|  |  |
| --- | --- |
| **HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM****BAN QUẢN LÝ ĐÀO TẠO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐƠN ĐĂNG KÝ**

**HỌC CHƯƠNG TRÌNH THỨ 2**

**Kính gửi: Ban Quản lý đào tạo**

Họ và tên:……………………………..……………….Ngày sinh:………………...

Mã sinh viên:……………………………...Số điện thoại:………………………….

Lớp:………………………………………………..…..Khóa (1):…………………..

Khoa:………………………………………………………………………………..

Điểm trung bình tích lũy (hệ 4) (2):……………. *(có bảng điểm kèm theo).*

Căn cứ Quy định dạy và học đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định 1368/QĐ-HVN ngày 27/05/2016 và được sửa đổi bổ sung theo Quyết định 2790/QĐ-HVN ngày 26/05/2017 và Quyết định 1312/QĐ-HVN ngày 09 tháng 05 năm 2018 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Tôi đề nghị ban Quản lý đào tạo cho tôi được đăng ký học chương trình thứ 2: Ngành ……………………………………………………………, hệ chính quy cùng khóa………… kể từ học kỳ ………năm học 20…….- 20………

Kính mong được sự xem xét và chấp thuận của ban Quản lý đào tạo./. (3)

*Hà Nội, ngày. . . . . tháng . . . . . năm 2018*

**Người viết đơn**

**Ghi chú:**

(1) Áp dụng đối với sinh viên năm thứ 2; năm thứ 3; năm thứ 4 (đối với chương trình đào tạo 5 năm).

(2) Điều kiện đăng ký học chương trình 2: Sinh viên đạt điểm tích lũy từ 2.00 trở lên

(3) Thời gian nhận đơn từ 01/11/2018 đến 30/11/2018 tại Bàn số 3, Ban Quản lý đào tạo, phòng 121 nhà Hành chính.

**DANH MỤC CÁC NGÀNH ÁP DỤNG CHO CHƯƠNG TRÌNH THỨ 2**

* ***Chương trình của Học viện Nông nghiệp Việt Nam:***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Ngành** |  | **STT** | **Ngành** |
| 1 | Kỹ thuật cơ khí |  | 18 | Khoa học đất |
| 2 | Kỹ thuật điện |  | 19 | Chăn nuôi |
| 3 | Kỹ thuật cơ sở hạ tầng |  | 20 | Nuôi trồng thủy sản |
| 4 | Công nghệ thông tin |  | 21 | Thú y |
| 5 | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử |  | 22 | Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp |
| 6 | Công nghệ kỹ thuật ô tô |  | 23 | Kế toán |
| 7 | Khoa học cây trồng |  | 24 | Quản trị kinh doanh |
| 8 | Bảo vệ thực vật |  | 25 | Kinh doanh nông nghiệp |
| 9 | Nông nghiệp công nghệ cao |  | 26 | Quản trị Kinh doanh nông nghiệp |
| 10 | Nông nghiệp |  | 27 | Kinh tế nông nghiệp |
| 11 | Công nghệ sinh học |  | 28 | Phát triển nông thôn |
| 12 | Công nghệ thực phẩm |  | 29 | Kinh tế |
| 13 | Công nghệ sau thu hoạch |  | 30 | Quản lý đất đai |
| 14 | Công nghệ và kinh doanh thực phẩm |  | 31 | Xã hội học |
| 15 | Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan |  | 32 | Ngôn ngữ Anh |
| 16 | Kỹ thuật tài nguyên nước |  | 33 | Kinh tế đầu tư |
| 17 | Khoa học môi trường |  |  |  |

* ***Chương trình phối hợp đào tạo của Học viện***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Ngành** |  | **STT** | **Ngành** |
| 1 | Luật |  | 5 | Kinh doanh quốc tế |
| 2 | Tài chính - ngân hàng |  | 6 | Điều dưỡng |
| 3 | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |  | 7 | Thương mại điện tử |
| 4 | Quản trị khách sạn |  | 8 | Quan hệ công chúng |

Ghi chú:

- Hoàn thành 2 chương trình đào tạo sinh viên sẽ được cấp 2 bằng đại học chính quy.

 - Sinh viên học chương trình của Học viện học phí cho chương trình 2 giảm từ 30-50%; Số tín chỉ học giảm tối đa đến 50% trong chương trình đào tạo.